



EPAVIETNAM

Qualified Services
with Global Understanding
and Vision

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 319 MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 6 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 319 MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 6 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	.
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 22



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 319 Miền Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 6 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 319 Miền Nam được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV 319.3 thuộc Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng theo Quyết định số 1755/QĐ-BCĐ ngày 22/05/2017 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104895563 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 4 ngày 28 tháng 6 năm 2018.

Tên viết tắt là: CÔNG TY 319 MIỀN NAM

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số Tầng 11, Tòa nhà TCT319, 20 Cộng Hòa, P.12, Q.Tân Bình, TPHCM.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Xuân Thu	Chủ tịch
	Ông Quang Học Quảng	Thành viên
	Ông Hoàng Quốc Việt	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Dương Đình Tuấn	Giám đốc
Ông Hoàng Quốc Việt	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 6 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 6 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

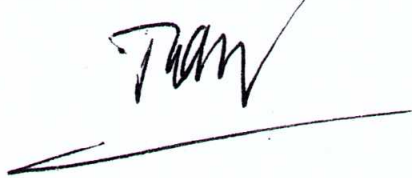
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Dương Đình Tuấn
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2019

Vũ Xuân Thu
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Số: 457/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 6 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 319 Miền Nam

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 319 Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 319 Miền Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập tại ngày 17 tháng 04 năm 2019, từ trang 5 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 6 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 319 Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 6 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 27 tháng 6 năm 2018 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 20 tháng 8 năm 2018 có ý kiến dạng chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Tiên Trình
Giám đốc Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1806-2018-137-1
Giấy Ủy quyền số: 08/2019/UQCN-CPA VIETNAM ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch HĐQT
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2019

Nguyễn Vũ Hào
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4148-2017-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 319 MIỀN NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 06 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018	28/06/2018
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		186.904.736.032	197.053.395.904
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	46.549.473.904	32.261.682.262
1. Tiền	111		21.824.462.270	20.666.204.204
2. Các khoản tương đương tiền	112		24.725.011.634	11.595.478.058
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99.508.138.559	110.699.204.480
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	89.025.925.928	98.221.420.926
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.757.429.872	2.350.594.785
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	8.724.782.759	10.127.188.769
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	40.685.078.098	53.530.288.165
1. Hàng tồn kho	141		40.685.078.098	53.530.288.165
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		162.045.471	562.220.997
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	162.045.471	429.292.146
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	132.928.851
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		9.852.287.568	43.543.270.438
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		1.764.686.748	5.020.045.357
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	1.764.686.748	5.020.045.357
- Nguyên giá	222		5.746.459.619	8.770.682.172
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.981.772.871)	(3.750.636.815)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	34.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	34.000.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		8.087.600.820	4.523.225.081
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	8.087.600.820	4.523.225.081
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		196.757.023.600	240.596.666.342

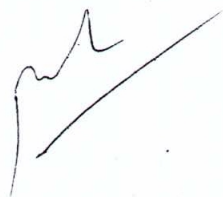
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018	28/06/2018
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		158.133.710.919	202.639.866.342
I- Nợ ngắn hạn	310		158.133.710.919	196.863.803.143
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.7	102.972.524.872	96.376.723.576
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.8	46.888.597.440	54.463.301.274
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	971.062.372	333.564.540
4. Phải trả người lao động	314		1.073.946.622	1.470.074.857
5. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		742.635.060	40.045.882.327
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	2.956.825.827	3.463.574.808
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	2.052.880.000	-
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		475.238.726	710.681.761
II- Nợ dài hạn	330		-	5.776.063.199
1. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.11	-	5.776.063.199
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		38.623.312.681	37.956.800.000
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.12	38.623.312.681	37.956.800.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		37.956.800.000	37.956.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		37.956.800.000	37.956.800.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		148.113.929	-
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		74.056.965	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		444.341.787	-
- LNST chưa phân phối kì này	421b		444.341.787	-
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		196.757.023.600	240.596.666.342

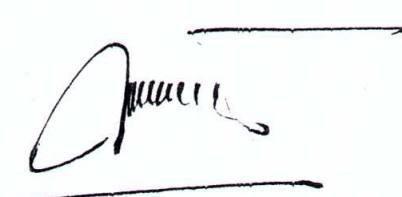
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2019

Người lập



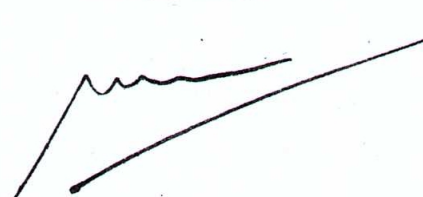
Phạm Ngọc Thịnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Phương

Chủ tịch HĐQT



Vũ Xuân Thu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 6 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 28/06/2018	Từ 01/01/2018
			đến 31/12/2018	đến 27/06/2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.13	106.994.288.749	63.917.766.287
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.13	147.249.999	474.421.668
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.13	106.847.038.750	63.443.344.619
4. Giá vốn hàng bán	11	5.14	100.500.973.094	59.673.535.575
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		6.346.065.656	3.769.809.044
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.15	490.720.605	469.853.748
7. Chi phí tài chính	22	5.16	-	71.634.048
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	71.634.048
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.17	5.911.059.544	6.056.065.469
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		925.726.717	(1.888.036.725)
11. Thu nhập khác	31	5.18	-	2.017.518.212
12. Chi phí khác	32	5.18	14.659	9.994.117
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(14.659)	2.007.524.095
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		925.712.058	119.487.370
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	185.142.412	33.479.646
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		740.569.646	86.007.724
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	195	23

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2019

Người lập



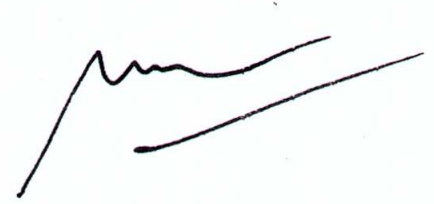
Phạm Ngọc Thịnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Phương

Chủ tịch HĐQT



Vũ Xuân Thu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 6 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

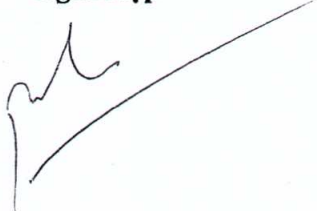
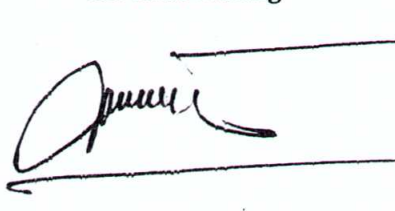
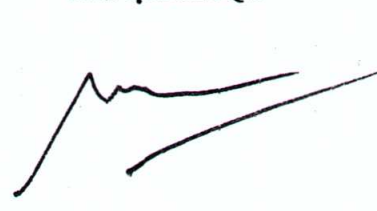
CHỈ TIÊU	MS	Từ 28/06/2018	Từ 01/01/2018
		đến 31/12/2018	đến 27/06/2018
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	925.712.058	119.487.370
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	231.136.056	808.524.250
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(490.720.605)	94.870.747
- Chi phí lãi vay	06	-	71.634.048
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	666.127.509	1.094.516.415
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	11.323.994.772	47.777.024.913
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	12.845.210.067	(6.083.500.698)
- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(9.332.671.601)	(37.114.144.758)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(159.680.650)	(1.594.298.512)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(113.225.861)	(730.870.571)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(82.500.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	678.480.551
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(309.500.000)	(56.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.920.254.236	3.887.907.340
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	490.720.605	469.853.748
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.090.720.605	469.853.748
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.052.880.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.776.063.199)	(19.096.705.732)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.723.183.199)	(19.096.705.732)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	14.287.791.642	(14.738.944.644)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	32.261.682.262	47.000.626.906
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	46.549.473.904	32.261.682.262

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Phạm Ngọc Thịnh

Nguyễn Duy Phương

Vũ Xuân Thu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 319 MIỀN NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 6 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09-DN****1. THÔNG TIN KHAI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 319 Miền Nam được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV 319.3 thuộc Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng theo Quyết định số 1755/QĐ-BCĐ ngày 22/05/2017 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104895563 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 4 ngày 28 tháng 6 năm 2018.

Tên viết tắt là: CÔNG TY 319 MIỀN NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 319 SOUTHERN INVESTMENT CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 20 đường Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 37.956.800.000 đồng.

Sở hữu vốn tại 31 tháng 12 năm 2018:

Đối tượng	31/12/2018			28/06/2018		
	Tỷ lệ	Số CP	Thành tiền	Tỷ lệ	Số CP	Thành tiền
Tổng Công ty 319	51,00%	1.935.800	19.358.000.000	51,00%	1.935.800	19.358.000.000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tân Mỹ Á	41,42%	1.572.082	15.720.820.000	41,42%	1.572.082	15.720.820.000
Ông Vũ Xuân Thu	3,83%	145.398	1.453.980.000	3,83%	145.398	1.453.980.000
Ông Quang Học Quảng	1,98%	75.000	750.000.000	1,98%	75.000	750.000.000
Các cổ đông khác	1,78%	67.400	674.000.000	1,78%	67.400	674.000.000
Cộng	100%	3.795.680	37.956.800.000	100%	3.795.680	37.956.800.000

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 45 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát, khảo sát, dò tìm, xử lý bom, mìn, vật liệu nổ; Khai thác và thu gom than bùn; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế gỗ; Sản xuất vôi (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất bê tông và các sản phẩm tư xi măng và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất các cấu kiện kim loại; Phá dỡ; xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển); Khai thác quặng sắt.

1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành; thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 về việc bổ sung một số điều của thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán của Công ty từ ngày 28 tháng 6 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 28/6/2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính .

Nguyên tắc kế toán tiền và tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn khác liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC quy định về quản lý tài sản cố định.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Kỳ hoạt động từ ngày 28/6/2018 đến ngày 31/12/2018
Máy móc thiết bị	Số năm 04 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10
Dụng cụ quản lý	03 - 05

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế.

Khoản thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập tính thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập tính thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 319 MIỀN NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 6 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09-DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	28/06/2018
	VND	VND
Tiền mặt	438.009.565	512.946.336
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.386.452.705	20.153.257.868
Tương đương tiền (*)	24.725.011.634	11.595.478.058
Cộng	46.549.473.904	32.261.682.262

5.2 Các khoản phải thu khách hàng

	31/12/2018	28/06/2018
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	89.025.925.928	98.221.420.926
Xây dựng tuyến đường Gom thuộc đường dẫn cao tốc TP. HCM - Trung Lương	10.091.274.407	-
Thi công nhà máy điện mặt trời TTC Đức Huệ	9.544.693.508	-
Công trình XD đường 5 chéo dài gói thầu số 11	20.086.823.388	20.086.823.388
Các đối tượng khác	49.303.134.625	78.134.597.538
Cộng	89.025.925.928	98.221.420.926

5.3 Các khoản phải thu khác*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2018		28/06/2018	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	8.724.782.759	-	10.127.188.769	-
Phải thu về cổ phần hóa	986.181.172	-	666.712.704	-
Tạm ứng	1.537.446.870	-	909.210.121	-
Ký quỹ qua Tổng công ty 319	2.248.627.163	-	4.814.093.669	-
Ký quỹ qua Ngân hàng TMCP Quân đội -CN TP.HCM	2.418.866.990	-	2.106.815.944	-
Phải thu khác	1.533.660.564	-	1.630.356.331	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	8.724.782.759	-	10.127.188.769	-

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2018		28/06/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	1.821.918.538	-	1.141.869.433	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	38.863.159.560	-	52.388.418.732	-
Cộng	40.685.078.098	-	53.530.288.165	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 319 MIỀN NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 6 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09-DN****5.5 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2018	28/06/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	162.045.471	429.292.146
Công cụ dụng cụ	14.800.000	6.069.090
Chi phí chờ phân bổ	147.245.471	423.223.056
b) Dài hạn	8.087.600.820	4.523.225.081
Chi phí lán trại XD Cầu Kênh Xáng Ngang	508.010.540	508.010.540
Phí bảo lãnh dự thầu, phát hành bảo lãnh CT		
Bờ tả Sông Sài Gòn đưa vào chi phí chờ phân bổ	88.969.892	88.969.892
Chi phí khai thác, trông giữ, thẩm định mỏ đá	3.216.183.022	3.216.183.022
Tài sản tại mỏ khai thác đá Ninh Thuận	3.024.222.553	-
Chi phí chờ phân bổ	1.250.214.813	710.061.627
Cộng	8.249.646.291	4.952.517.227

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 319 MIỀN NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 6 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư 28/06/2018	127.272.727	5.258.744.589	360.442.303	3.024.222.553	8.770.682.172
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	3.024.222.553	3.024.222.553
Điều chỉnh sang chi phí trả trước	-	-	-	3.024.222.553	3.024.222.553
Số dư tại 31/12/2018	127.272.727	5.258.744.589	360.442.303	-	5.746.459.619
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư 28/06/2018	93.232.353	3.354.221.544	303.182.918	-	3.750.636.815
Tăng trong kỳ	4.545.456	216.608.736	9.981.864	-	231.136.056
Khấu hao trong kỳ	4.545.456	216.608.736	9.981.864	-	231.136.056
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	97.777.809	3.570.830.280	313.164.782	-	3.981.772.871
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 28/06/2018	34.040.374	1.904.523.045	57.259.385	3.024.222.553	5.020.045.357
Tại ngày 31/12/2018	29.494.918	1.687.914.309	47.277.521	-	1.764.686.748



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 319 MIỀN NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 06 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		28/06/2018	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	102.972.524.872	102.972.524.872	96.376.723.576	96.376.723.576
Công ty TNHH cơ khí và xây dựng Vĩnh Hưng Thịnh	12.246.034.051	12.246.034.051	5.995.588.673	5.995.588.673
Các đối tượng khác	90.726.490.821	90.726.490.821	90.381.134.903	90.381.134.903
Cộng	102.972.524.872	102.972.524.872	96.376.723.576	96.376.723.576

5.8 Người mua trả tiền trước

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		28/06/2018	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	46.888.597.440	46.888.597.440	54.463.301.274	54.463.301.274
Công trình suối linh, Đồng Nai	5.509.382.000	5.509.382.000	-	-
Công trình XD cầu Bà Hom	10.099.899.166	10.099.899.166	-	-
Công trình XD đường tuần tra Biên giới tỉnh Bình Phước GĐ1	14.997.483.000	14.997.483.000	21.219.655.000	21.219.655.000
Công trình nâng cấp đường Lương Định Của	5.020.382.000	5.020.382.000	4.395.188.000	4.395.188.000
Các đối tượng khác	11.261.451.274	11.261.451.274	28.848.458.274	28.848.458.274
Cộng	46.888.597.440	46.888.597.440	54.463.301.274	54.463.301.274

5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	28/06/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2018
	VND			VND
Phải nộp	333.564.540	2.258.497.898	1.621.000.066	971.062.372
Thuế GTGT	-	2.061.672.608	1.597.675.722	463.996.886
Thuế thu nhập doanh nghiệp	237.628.879	185.142.412	-	422.771.291
Thuế thu nhập cá nhân	85.126.167	11.682.878	12.514.850	84.294.195
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-	-
Các khoản khác	10.809.494	-	10.809.494	-

5.10 Phải trả khác

	31/12/2018	28/06/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.956.825.827	3.463.574.808
Kinh phí công đoàn	136.943.482	108.970.863
Bảo hiểm xã hội	65.748.166	31.679.689
Bảo hiểm y tế	6.088.346	-
Bảo hiểm thất nghiệp	273.824	-
Phải trả về cổ phần hóa	1.705.820.957	1.928.548.230
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.041.951.052	1.394.376.026
Cộng	2.956.825.827	3.463.574.808

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 319 MIỀN NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 6 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2018			Trong kỳ			28/06/2018		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	2.052.880.000	2.052.880.000	2.052.880.000	-	-	-	-	-	
Ngân hàng TMCP Quân đội -CN Tp.Hồ Chí Minh	2.052.880.000	2.052.880.000	2.052.880.000	-	-	-	-	-	
b) Vay dài hạn	-	-	-	5.776.063.199	5.776.063.199	5.776.063.199	5.776.063.199	5.776.063.199	
Ngân hàng TMCP Quân đội -CN Long Biên	-	-	-	5.776.063.199	5.776.063.199	5.776.063.199	5.776.063.199	5.776.063.199	
Cộng	2.052.880.000	2.052.880.000	2.052.880.000	5.776.063.199	5.776.063.199	5.776.063.199	5.776.063.199	5.776.063.199	

Đơn vị tính: VND

5.12 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 28/06/2018	37.956.800.000	-	-	-	37.956.800.000
Tăng trong kỳ	-	148.113.929	74.056.965	740.569.646	962.740.540
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	740.569.646	740.569.646
Trích lập quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	148.113.929	-	-	148.113.929
Điều chỉnh khác	-	-	74.056.965	-	74.056.965
Giảm trong kỳ	-	-	-	296.227.859	296.227.859
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	148.113.929	148.113.929
Trích quỹ khác của chủ sở hữu	-	-	-	74.056.965	74.056.965
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	74.056.965	74.056.965
Số dư tại 31/12/2018	37.956.800.000	148.113.929	74.056.965	444.341.787	38.623.312.681

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 319 MIỀN NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 6 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09-DN****5.12 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2018	28/06/2018
	VND	VND
Tổng Công ty 319	19.358.000.000	19.358.000.000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tân Mỹ Á	15.720.820.000	15.720.820.000
Ông Vũ Xuân Thu	1.453.980.000	1.453.980.000
Ông Quang Học Quảng	750.000.000	750.000.000
Các cổ đông khác	674.000.000	674.000.000
Cộng	37.956.800.000	37.956.800.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 28/06/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2018 đến 27/06/2018
	VND	VND
Vốn góp đầu kỳ	37.956.800.000	37.956.800.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối kỳ	37.956.800.000	37.956.800.000

5.13 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 28/06/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2018 đến 27/06/2018
	VND	VND
a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	106.994.288.749	63.917.766.287
Doanh thu bán hàng hóa	106.994.288.749	63.917.766.287
b) Các khoản giảm trừ doanh thu	147.249.999	474.421.668
Giảm trừ khác	147.249.999	474.421.668
Doanh thu thuần	106.847.038.750	63.443.344.619

5.14 Giá vốn hàng bán

	Từ 28/06/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2018 đến 27/06/2018
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	100.500.973.094	59.673.535.575
Cộng	100.500.973.094	59.673.535.575

5.15 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 28/06/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2018 đến 27/06/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	490.720.605	469.853.748
Cộng	490.720.605	469.853.748

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 319 MIỀN NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 6 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09-DN****5.16 Chi phí tài chính**

	Từ 28/06/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2018 đến 27/06/2018
	VND	VND
Lãi tiền vay		71.634.048
Cộng	-	71.634.048

5.17 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 28/06/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2018 đến 27/06/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.088.036.157	1.783.798.388
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	14.047.514	117.279.031
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	73.530.123
Chi phí khấu hao TSCĐ	231.136.056	444.483.034
Thuế phí và lệ phí	-	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.001.312	58.390.406
Chi phí khác	3.519.838.505	3.575.584.487
Cộng	5.911.059.544	6.056.065.469

5.18 Thu nhập/chi phí khác

	Từ 28/06/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2018 đến 27/06/2018
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		1.179.411.529
Giảm chi tiêu giao nộp năm 2015 của Chi nhánh Miền Nam	-	1.141.884.290
Điều chỉnh giảm khấu hao tài sản chờ thanh lý	-	(315.000.000)
Các khoản khác		11.222.393
Cộng	-	2.017.518.212
Chi phí khác		
Điều chỉnh theo hồ sơ giá trị doanh nghiệp	-	(723.738.575)
Xử lý công nợ	-	307.365.986
Chi phí trả trước TSCĐ thanh lý	-	364.041.217
Các khoản bị phạt	-	16.765.481
Các khoản khác	14.659	45.560.008
Cộng	14.659	9.994.117
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	(14.659)	2.007.524.095

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 319 MIỀN NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 6 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.19 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 28/06/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2018 đến 27/06/2018
	VND	VND
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	925.712.058	119.487.370
2. Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế: <i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	-	47.910.860
3. Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	-	-
4. Thu nhập chịu thuế	925.712.058	167.398.230
5. Chuyển lỗ	-	-
5. Thu nhập tính thuế	925.712.058	167.398.230
6. Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
7. Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	185.142.412	33.479.646
8. Điều chỉnh thuế TNDN truy thu các năm trước	-	-
Thuế TNDN hiện hành (8+9)	185.142.412	33.479.646

5.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 28/06/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2018 đến 27/06/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	740.569.646	86.007.724
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	740.569.646	86.007.724
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	3.795.680	3.795.680
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	195	23

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 28/06/2018 đến 31/12/2018 VND
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát	Thu nhập từ thù lao, lương, thưởng và các khoản khác	410.942.581

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 319 MIỀN NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 6 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Số liệu so sánh

Là báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến 27/06/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2019

Người lập

Phạm Ngọc Thịnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Duy Phương

Chủ tịch HĐQT



Vũ Xuân Thu

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực..... 14.137..... Quyền số..... 03/BS

Ngày..... tháng..... năm 20.....

11-05-19

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 14 QUẬN 10



Võ Thái Sơn